

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16/9/2022
V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH ANGIANG.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thế Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lệ;
2. Ông Nguyễn Quốc Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Huy Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 260/2022/TLST-HNGĐ ngày 14/6/2022 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 82/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29/8/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Tổ 10, ấp Phú H, xã Lê C, thị xã Tân C, tỉnh An Giang; có mặt

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: Tổ 08, ấp Phú H, xã Lê C, thị xã Tân C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 16/01/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Nguyễn Hữu T trình bày: Về hôn nhân giữa ông T với bà Nguyễn Thị Thu V do người lớn mai mối, được cha, mẹ hai bên đồng ý nên hai người tiến tới hôn nhân vào năm 2000. Hai người có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lê C, thị xã Tân C, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận kết hôn số 43 ngày 13/8/2002. Quá trình sống chung, lúc đầu có hạnh phúc đến năm 2005 thì bà V bỏ nhà đi và bỏ lại 02 đứa con cho ông T nuôi cho đến

nay. Ông T có tìm kiếm nhưng không liên lạc được và cũng không biết bà V đi đâu. Ông T nhận thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại, sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông T xin được ly hôn với bà V.

- Về con chung: Ông T với bà V có với nhau 02 đứa con chung tên Nguyễn Hữu K, sinh ngày 04/7/2001 và Nguyễn Hữu K, sinh ngày 13/11/2004, hiện 02 đứa con đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bà V vắng mặt không lý do.

Biên bản xác minh ngày 25/7/2022 của bà Nguyễn Thị T là chị ruột bà Nguyễn Thị Thu V cung cấp về tình trạng hôn nhân của ông T với bà V thể hiện: Về hôn nhân giữa ông T với bà V do người lớn mai mối, gia đình hai bên đồng ý, hai người tổ chức lễ cưới vào năm 2000 và có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Lê C. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2005 thì ông T với bà V không còn sống chung đến nay, nguyên nhân là do ông T tính tình cục bộ và thường chửi bà V và ông T có đánh bà V nên bà V bỏ đi đến nay. Sau đó đến năm 2007 ông T có vợ khác, năm 2009 bà V có chồng khác, bà V có hộ khẩu chung với bà T. Ông T với bà V có 02 đứa con chung tên Nguyễn Hữu K và Nguyễn Hữu K đã trưởng thành. Theo bà T hôn nhân của ông T với bà V đã không còn sống chung từ năm 2005 đến nay. Tòa án cho ông T ly hôn với bà V là hợp lý.

Biên bản xác minh ngày 25/7/2022 Công an xã Lê C cung cấp: Bà Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1980 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 8, ấp Phú H, xã Lê C, thị xã Tân C, tỉnh An Giang, theo hồ sơ hộ khẩu số 756 chung hộ do bà Trần Thị N làm chủ hộ. Hiện bà Nguyễn Thị Thu V vẫn còn hộ khẩu tại địa chỉ trên.

Tòa án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải nhưng không thực hiện được do bà V vắng mặt.

Hội đồng xét xử công bố biên bản xác minh ngày 25/7/2022 của bà Nguyễn Thị T, biên bản không lấy được lời khai bà V ngày 25/7/2022, biên bản xác minh ngày 25/7/2022 của Công an xã Lê C, thị xã Tân C, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, ông T giữ nguyên yêu cầu, bà V vắng mặt,

Ông T xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác; bà V không cung cấp chứng cứ.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về giải quyết vụ án, ông Nguyễn Hữu T với bà Nguyễn Thị Thu V có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, năm 2005 giữa ông T với bà V có phát sinh mâu thuẫn. Ông T với bà V đã không còn sống chung thời gian dài. Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông T với bà V có với nhau 02 đứa con chung tên Nguyễn Hữu K, sinh ngày 04/7/2001 và Nguyễn Hữu K, sinh ngày 13/11/2004, hiện 02 đứa con đã trưởng thành.

Về tài sản và nợ chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền: Ông Nguyễn Hữu T khởi kiện “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn” với bà Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: Tổ 08, ấp Phú H, xã Lê C, thị xã Tân C, tỉnh An Giang. Xét, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân C theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý giải quyết.

Biên bản xác minh ngày 25/7/2022 Công an xã Lê C cung cấp: Bà Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1980 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 8, ấp Phú H, xã Lê C, thị xã Tân C, tỉnh An Giang, theo hồ sơ hộ khẩu số 756 chung hộ do bà Trần Thị N làm chủ hộ. Hiện bà Nguyễn Thị Thu V vẫn còn hộ khẩu tại địa chỉ trên.

Sự vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Thị Thu V vắng mặt, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử.

Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị Thu V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã đăng ký kết hôn UBND xã Lê C, thị xã Tân C, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số: 43 ngày 13/8/2002. Xét, hôn nhân giữa ông T với bà V là hợp pháp.

Ông T khai, quá trình sống chung, lúc đầu có hạnh phúc đến năm 2005 thì bà V bỏ nhà đi và bỏ lại 02 đứa con cho ông T nuôi cho đến nay. Ông T có tìm

kiếm nhưng không liên lạc được và cũng không biết bà V đi đâu. Ông T nhận thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại, sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông T xin được ly hôn với bà V.

Biên bản xác minh ngày 25/7/2022 của bà Nguyễn Thị Thọ là chị ruột bà Nguyễn Thị Thu Vân cung cấp về tình trạng hôn nhân của ông Tình với bà Vân thể hiện: Về hôn nhân giữa ông T với bà V do người lớn mai mối, gia đình hai bên đồng ý, hai người tổ chức lễ cưới vào năm 2000 và có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Lê C. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2005 thì ông T với bà V không còn sống chung đến nay, nguyên nhân là do ông T tính tình cục bộ và thường chửi bà V và ông T có đánh bà V nên bà V bỏ đi đến nay. Sau đó đến năm 2007 ông T có vợ khác, năm 2009 bà V có chồng khác, bà V có hộ khẩu chung với bà T. Ông T với bà V có 02 đứa con chung tên Nguyễn Hữu K và Nguyễn Hữu K đã trưởng thành. Theo bà T hôn nhân của ông T với bà V đã không còn sống chung từ năm 2005 đến nay. Tòa án cho ông T ly hôn với bà V là hợp lý.

Theo khoản 2 Điều 17, Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, “Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp,... và lý do chính đáng khác”;

“Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau”.

Ông T với bà V có thời gian dài không sống chung, hai người không tự hàn gắn lại được, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Giữa ông T với bà V đã sống xa cách nhau từ năm 2005 đến nay.

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét, chấp nhận yêu cầu của ông T ly hôn đối với bà V.

[3] Về con chung: Ông T với bà V có với nhau 02 đứa con chung tên Nguyễn Hữu K, sinh ngày 04/7/2001 và Nguyễn Hữu K, sinh ngày 13/11/2004, hiện 02 đứa con đã trưởng thành. Không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông T khai giữa ông T với bà V không có nên không cần Tòa án giải quyết. Do đó, không đặt ra giải quyết. Nếu sau này bà V cho rằng trong thời kỳ hôn nhân giữa bà V với ông T có tài sản, nợ chung mà không tự thỏa thuận được thì bà V vẫn có quyền khởi kiện ra tòa yêu cầu giải quyết trong vụ án khác.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Hữu T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông T được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0004942 ngày 10/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân C;

Bà Nguyễn Thị Thu V không phải chịu tiền án phí hôn nhân.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu T.

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Hữu T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu V;

Giấy chứng nhận kết hôn số 43 ngày 13/8/2002 do UBND xã Lê C, thị xã Tân C, tỉnh An Giang cấp cho ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị Thu V không còn giá trị pháp luật.

Về con chung: Ông Nguyễn Hữu T với bà Nguyễn Thị Thu V có với nhau 02 đứa con chung tên Nguyễn Hữu K, sinh ngày 04/7/2001 và Nguyễn Hữu K, sinh ngày 13/11/2004 đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết. Nếu sau này bà Nguyễn Thị Thu V cho rằng trong thời kỳ hôn nhân giữa bà V với ông T có tài sản, nợ chung thì bà V vẫn có quyền khởi kiện ông T ra tòa yêu cầu giải quyết trong vụ án khác

Về án phí: Ông Nguyễn Hữu T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông T được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0004942 ngày 10/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân C;

Bà Nguyễn Thị Thu V không phải chịu tiền án phí hôn nhân.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án ông Nguyễn Hữu T có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Thời gian kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu V là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND TX (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Thi hành án DS TX (1);
- UBND xã Lê C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

Ngô Thế Minh